

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 09 - 2024

V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Phạm Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/08/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1965; Đều có địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 07/3/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng

sống hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng xung đột, xô sát, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh **H** nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh **H**.

Về con chung; về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị và anh **H** không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp gia đình hai bên nên chị không đề nghị giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng anh **H** không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T**.

* Lời khai của gia đình anh **H**: Chị **T**, anh **H** được gia đình hai bên tổ chức cưới. Sau khi cưới anh chị ăn riêng ở riêng. Trong quá trình chung sống thì có xảy ra mâu thuẫn, xô sát còn cụ thể nguyên nhân như nào gia đình không nắm được cụ thể. Chị **T**, anh **H** đã sống ly thân với nhau. Toà án đã nhiều lần gửi văn bản tố tụng cho anh **H**, bà nhận thay văn bản cho anh **H** và đã giao, thông báo cho anh **H** nhưng anh **H** đi làm, không đồng ý ly hôn nên không đến Toà làm việc. Nay chị **T** xin ly hôn, gia đình đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Xác minh tại địa phương thể hiện: Chị **T**, anh **H** tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại **UBND xã V**. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh bất hoà, mâu thuẫn, cãi nhau. Nay chị **T** làm đơn xin ly hôn, đại diện đoàn thể cũng như chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T**, xử cho chị **Nguyễn Thị T** ly hôn anh **Nguyễn Văn H**. Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người làm chứng vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T và ý kiến của gia đình anh H, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xô sát, xung đột. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh H, kiên quyết xin ly hôn. Anh H đã được gia đình giao, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thể hiện quan điểm của mình với yêu cầu của chị T, tại phiên hòa giải anh H không có mặt thể hiện anh không có thiện chí vợ chồng về đoàn tụ. Xác minh tại địa phương, cung cấp gia đình anh H thể hiện anh chị có mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử chị cho chị T và anh H ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về quan hệ con chung; về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Chị T xác định anh chị không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23/0001131 ngày 20/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị T đã thi hành xong nghĩa vụ.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng